TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1099/2026/DS-ST
Ngày: 14/5/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy
2. Bà Trần Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2026/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần S. Trụ sở: số số 266-268 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Khánh H, sinh năm 2003. Địa chỉ: 177-179-181 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 89/2026/GUQ ngày 13/5/2026).

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Tuyết T, sinh ngày 26/08/1979. Địa chỉ: Căn hộ 108 chung cư C, số 141 C, phường B (trước đây là Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H và bà T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/8/2022 bà Trần Thị Tuyết T có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng,

Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng - các tài liệu này gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-3285 bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2.280.509.183 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho ngân hàng 2.189.567.800 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ cho ngân hàng. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng nên ngày 03/5/2025 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Mặc dù ngân hàng đã yêu cầu bà Trần Thị Tuyết T thanh toán số tiền còn nợ của ngân hàng nhưng bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 17/4/2026, bị đơn còn nợ tổng số tiền 166.281.270 đồng, trong đó nợ gốc là 111.490.710 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán dư nợ sử dụng thẻ tín dụng còn thiếu cho Ngân hàng.

Bị đơn - Bà Trần Thị Tuyết T trình bày: Bà xác nhận có ký kết hợp đồng và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S với hạn mức sử dụng thẻ là 100.000.000 đồng như trình bày của Ngân hàng. Do hoàn cảnh tài chính khó khăn trong thời gian dài nên bà không thể thanh toán đúng hạn dẫn đến phát sinh lãi và các khoản phí. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu bà thanh toán nợ gốc, nợ lãi và phí vượt quá khả năng thanh toán của bà. Bà không đồng ý với toàn bộ đòi tiền lãi, phí của Ngân hàng. Đề nghị ngân hàng xem xét miễn giảm lãi và phí phát sinh, tạo điều kiện cho bà được trả nợ số tiền gốc 100.000.000 đồng theo khả năng thực tế của bà, trả trong năm 2027, cụ thể: tháng 04/2027 thanh toán 30.000.000 đồng, tháng 7/2027 thanh toán 30.000.000 đồng và tháng 10/2027 thanh toán 40.000.000 đồng.

Về số tiền nợ gốc 111.490.710 đồng bà T hiểu cách tính của Ngân hàng nhưng bà chỉ đồng ý số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng đúng với số hạn mức giao dịch thẻ tín dụng mà Ngân hàng cấp cho bà ban đầu.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc bà Trần Thị Tuyết T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 13/5/2026 là 170.432.070 đồng (trong đó: nợ gốc: 111.490.710 đồng; nợ lãi và phí 58.941.360 đồng). Bà T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/5/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết T trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại các phiên hòa giải. Về số tiền nợ gốc bà chỉ đồng ý thanh toán 100.000.000 đồng trong năm 2027. Về số tiền lãi và phí mà Ngân hàng yêu cầu: Bà không đồng

ý trả do vượt quá khả năng thanh toán của bà; bà không có khả năng kinh tế để thanh toán số tiền trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà các bên đã ký kết (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng), Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 100.000.000 đồng cho bà T. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ trước hạn, thông báo khởi kiện và thu hồi nợ gửi cho bà T nhưng đến nay bà T vẫn chưa thanh toán. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là bà Trần Thị Tuyết T. Theo kết quả xác minh của Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà T có địa chỉ tại: Căn hộ 108 chung cư C, số 141 C, phường B (trước đây là Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh: căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm do Tòa án có thu thập chứng cứ xác minh nơi cư trú của bị đơn tại Công an phường T, Công an phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 15/8/2022, bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, xác nhận của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có đủ cơ sở xác định nguyên đơn có cấp thẻ tín dụng, số thẻ

436438-3285 cho bị đơn hạn mức 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết với nguyên đơn nên nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bị đơn và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 13/5/2026, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 170.432.070 đồng (gồm nợ gốc: 111.490.710 đồng; nợ lãi và phí 58.941.360 đồng). Bị đơn bà T cũng xác nhận có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ngân hàng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền nợ gốc 111.490.710 đồng bà T hiểu cách tính của Ngân hàng nhưng bà chỉ đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng đúng với số hạn mức giao dịch thẻ tín dụng mà ngân hàng cấp cho bà ban đầu. Đề nghị ngân hàng xem xét miễn giảm lãi và phí phát sinh, tạo điều kiện cho bà được trả nợ số tiền gốc 100.000.000 đồng theo khả năng thực tế, trả trong năm 2027, cụ thể: tháng 04/2027 thanh toán 30.000.000 đồng, tháng 7/2027 thanh toán 30.000.000 đồng và tháng 10/2027 thanh toán 40.000.000 đồng.

Nhận thấy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký kết với nguyên đơn tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng, do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 13/5/2026 là 170.432.070 đồng (trong đó: nợ gốc: 111.490.710 đồng; nợ lãi và phí 58.941.360 đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/5/2026 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.521.604 đồng. H1 tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

Buộc bà Trần Thị Tuyết T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ thẻ tín dụng tính đến ngày 13/5/2026 là 170.432.070 đồng (trong đó: nợ gốc: 111.490.710 đồng; nợ lãi và phí 58.941.360 đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 14/5/2026 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Tuyết T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.521.604 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.454.855 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051320 ngày 19/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, bà Trần Thị Tuyết T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 4- TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thụy Hồng Châu